

Bản án số: 80/2023/HS-ST
Ngày: 19-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 33/2023/QĐ-TA ngày 18 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê T, sinh năm 1995 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 0/12; con ông Lê T1, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; có vợ Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

1. Bản án số 16/2018/HSST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền xử phạt T 02 năm 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/4/2019 và nộp án phí hình sự sơ thẩm.

2. Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc đưa Lê T vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/2/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, có mặt.

2. Nguyễn Trọng N, sinh năm 1997 tại tỉnh Khánh Hòa.

Hộ khẩu thường trú: Số A, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Hoàng T3, sinh năm 1975 và bà Huỳnh Thị T4, sinh năm 1972; vợ con: Chưa.

Tiền án: Bản án số 47/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt Nguyễn Trọng N 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/6/2018, chưa chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/2/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Xuân H1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên vào khoảng 12 giờ ngày 29/11/2022, Lê T, sinh năm 1995 cùng với Nguyễn Trọng N, sinh năm 1997 rủ nhau đi trộm gà bán lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen, biển số 72K1-726.25 (do T đứng tên chủ sở hữu) chở N đi vào các con đường hẻm trên địa bàn thị trấn L và xã P kiếm nhà đi vắng, không người trông coi để bắt trộm gà. Khi đi đến nhà của chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1992, tại ấp P, xã P, huyện L), T và N nhìn thấy nhà của chị L đã khóa cửa cổng, không có người trông coi. Quan sát thấy cửa cổng được làm bằng lưới B40, có khóa bằng sợi dây xích bằng kim loại, trên sợi xích có một mắc xích bị hở, T và N dựng xe trước cổng nhà, T nhặt một cây sắt ở gần đó cạy mắt xích bung ra, T và N mở cửa cổng đi vòng ra phía sau nhà để kiếm gà bắt trộm. Khi đi ra phía sau, thấy cửa sau của nhà không đóng nên T và N đi vào bên trong nhà để tìm kiếm tài sản. T và N thấy có 01 cái ti vi, nhãn hiệu Sony màn hình phẳng, màu đen, kích thước 43inch đang gắn trên tường trong phòng khách phía trước nên T và N cùng nhau tháo gỡ tivi đưa ra xe mô tô, T chở N ngồi phía sau ôm tivi tẩu thoát. Khi đi trên đường 36m thuộc thị trấn L, huyện L, T và N thấy bên đường có bụi cây nên đã cất giấu tivi vào trong bụi cây rồi T chở N đi về phòng trọ của N. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, do sợ để tivi ngoài trời sương xuống hư tivi nên T đi đến chỗ bụi cây lấy tivi đến gửi tại phòng trọ của một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch - là bạn T) ở khu vực phía sau chợ L1. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn C (sinh năm: 1983, nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - là bạn của N) đến phòng trọ của N chơi, tại đây N nhờ C giới thiệu người cho N bán ti vi, C đồng ý, N gọi điện thoại T qua phòng trọ của N gặp C để thỏa thuận việc mua bán, T thống nhất với C bán tivi với số tiền 6.000.000đ. C gọi điện cho một người tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) thỏa thuận mua bán ti vi với số tiền 6.000.000đ. Sau đó, T và C thuê xe taxi chở ti vi đi đến một công trình tại xã C,

huyện C bán cho Đ, do chưa đủ tiền nên Đ đưa trước cho C 4.000.000đ và 500.000đ phụ trả tiền xe taxi, còn nợ lại 2.000.000đ. T và C đi xe taxi về lại phòng trọ của N, C trả tiền taxi hết 1.450.000đ, số tiền còn lại 3.050.000đ C đưa cho T, T chia cho N 1.000.000đ, còn lại 2.050.000đ T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi biết được hành vi của mình bị Công an phát hiện, T gọi điện cho C nói tivi trên cho T trộm cắp mà có hỏi chuộc lại tivi để trả cho bị hại, C đến công trình nơi anh Đ làm việc để chuộc lại tivi nhưng lúc này anh Đ đã làm xong công trình đi nơi khác nên không liên lạc được.

Ngày 01/12/2022, Lê T và Nguyễn Trọng N đến Công an thị trấn L đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 90/KL.HĐĐGTS ngày 21/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện L kết luận: 01 cái tivi, nhãn hiệu Sony màn hình phẳng, màu đen, kích thước 43inch, đã qua sử dụng, trị giá 6.900.000đ.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen, biển số 72K1-726.25, đã qua sử dụng do Lê T đứng tên chủ sở hữu, T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Sau đó, T cầm cố chiếc xe mô tô cho chị Võ Thị Xuân H1 (là chủ cơ sở cầm đồ “Vinh” tại khu phố H, thị trấn L, huyện L với số tiền 23.000.000đ. Qua làm việc chị H1 đã tự nguyện giao nộp xe mô tô trên và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để phục vụ điều tra. Hiện đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền quản lý chờ xử lý.

- Đối với 01 đĩa CD-R chứa dữ liệu điện tử hình ảnh T và N chở ti vi trộm cắp được đi trên đường, hiện lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 cái ti vi, nhãn hiệu Sony màn hình phẳng, màu đen, kích thước 43inch đã bán cho anh Đ, hiện không xác định được nhân thân, lai lịch của anh Đ nên không thể tiến hành truy thu.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu bồi thường trị giá cái tivi với số tiền 6.900.000đ. Chị Võ Thị Xuân H1 yêu cầu Lê T hoàn trả số tiền 23.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 80/QĐ-VKSLĐ ngày 14/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền đã truy tố Lê T và Nguyễn Trọng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê T từ 09 tháng 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Trọng N từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen, biển số 72K1-726.25, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Lê T.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị các bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 6.900.000đ. Buộc bị cáo Lê T có trách nhiệm hoàn trả cho chị Võ Thị Xuân H1 số tiền 23.000.000đ.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 6.900.000đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền 23.000.000đ.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo T: Bị cáo biết hành vi của mình sai, bị cáo rất ăn năn hối hận.

Bị cáo N: Bị cáo biết hành vi của mình sai, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 12 giờ ngày 29/11/2022, bị cáo Lê T và Nguyễn Trọng N đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 cái tivi, nhãn hiệu Sony màn hình phẳng, màu đen, kích thước 43inch, qua giám định trị giá 6.900.000đ của chị Nguyễn Thị L để trong nhà thuộc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Do vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động và muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo N có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể. Các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tương xứng vai trò của từng bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc ổn định nên miễn hình phạt bổ sung.

[8] Về xử lý vật chứng:

01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen, biển số 72K1-726.25 và 01 giấy phép lái xe đứng tên Lê T. Bị cáo T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị L giá trị chiếc tivi do không thu hồi được là 6.900.000đ (trách nhiệm theo phần mỗi bị cáo là 3.450.000đ) và bị cáo T đồng ý hoàn trả lại cho chị Võ Thị Xuân H1 số tiền 23.000.000đ nên ghi nhận. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị L số tiền 6.900.000đ (trách nhiệm theo phần mỗi bị cáo là 3.450.000đ). Buộc bị cáo T phải hoàn trả cho chị H1 số tiền: 23.000.000đ .

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn C có hành vi liên hệ với Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) để bán tivi cho T và N nhưng C không biết tivi do T và N trộm cắp mà có, C cũng không hưởng lợi ích gì từ việc bán tivi cho T và N. Đối với người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) T gửi tivi, T cũng không nói cho người này biết tivi do T trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý đối với C, Đ và người phụ nữ trên.

[11] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê T và Nguyễn Trọng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng N 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 6.900.000đ (trách nhiệm theo phần mỗi bị cáo 3.450.00đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)).

Buộc bị cáo Lê T phải hoàn trả cho chị Võ Thị Xuân H1 số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen, biển số 72K1-726.25, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Lê T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 92/BB-CCTHADS ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH11 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí:

4.1 Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4.2 Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và bị cáo Lê T phải nộp 1.322.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT (PV06, PC10);
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Công an huyện Long Điền;
- Cơ quan THAHS huyện Long Điền;
- Cơ quan THADS huyện Long Điền;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Mỹ Tho

